SAO Y; Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp; Thời gian ký: 2026-11-23T10:22:06+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3679/QĐ-UBND	*Đồng Tháp, ngày 23 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình vươn ra thị trường quốc tế trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 – 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/06/2025;

Căn cứ Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14 ngày 12/06/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/05/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/05/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 17/05/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/05/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Quyết định số 626/QĐ-TTg ngày 06/04/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình vươn ra thị trường quốc tế giai đoạn 2026–2030;

Căn cứ Quyết định số 1406/QĐ-BCT ngày 12/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Chương trình hành động triển khai Chương trình vươn ra thị trường quốc tế giai đoạn 2026–2030;

Căn cứ Quyết định số 1620/QĐ-BCT ngày 02/07/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chế quản lý, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình vươn ra thị trường quốc tế giai đoạn 2026–2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 7442/TTr-SCT ngày 03/11/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai Chương trình vươn ra thị trường quốc tế trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026–2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương (Cục XTTM);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Tháp;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, P.KT (Ngân).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Nguyễn Thành Diệu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
Triển khai Chương trình vươn ra thị trường quốc tế trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026–2030

(Kèm theo Quyết định số 3679/QĐ-UBND ngày 23/11/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Thực hiện Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành "Kế hoạch triển khai Chương trình vươn ra thị trường quốc tế trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026–2030" (sau đây gọi là Chương trình/Chương trình Local Go Global) với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa và bám sát các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình vươn ra thị trường quốc tế giai đoạn 2026 - 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 626/QĐ-TTg ngày 06/4/2026 và Chương trình hành động của Bộ Công Thương theo Quyết định số 1406/QĐ-BCT ngày 12/6/2026; bảo đảm tính kế thừa, đồng bộ, gắn kết chặt chẽ giữa Kế hoạch hành động với các kế hoạch, chương trình, đề án khác của Bộ Công Thương và của địa phương, phù hợp với điều kiện thực tiễn và phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

- Cụ thể hóa các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia phù hợp lợi thế, cơ cấu ngành hàng, năng lực doanh nghiệp và điều kiện nguồn lực của tỉnh; tạo chuyển biến thực chất về năng lực tham gia thị trường, chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu.

- Hỗ trợ có trọng tâm, có lộ trình đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất, kinh doanh có năng lực, cam kết đồng hành và khả năng tạo hiệu ứng lan tỏa; ưu tiên tháo gỡ đúng điểm nghẽn của từng doanh nghiệp, từng ngành hàng.

- Kết nối đồng bộ các công cụ xúc tiến thương mại, khoa học và công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn chất lượng, vùng nguyên liệu, logistics, tín dụng, thanh toán quốc tế, hỗ trợ pháp lý và chuyển đổi số.

2. Yêu cầu

- Nhiệm vụ phải rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời hạn, sản phẩm đầu ra, chỉ số theo dõi và nguồn lực; bảo đảm Chương trình không chồng chéo, trùng lặp với các Chương trình xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư và các chương trình, đề án hỗ trợ doanh nghiệp đang triển khai; đồng thời được triển khai trên cơ

sở kế thừa, lồng ghép và phát huy các kết quả của hoạt động xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư đã thực hiện, góp phần hoàn thành các mục tiêu của Quyết định số 626/QĐ-TTg, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

- Việc hỗ trợ bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng thẩm quyền, phù hợp pháp luật, cam kết quốc tế của Việt Nam, đảm bảo không phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp và các quy định về điều cấm có liên quan đến cạnh tranh đối với cơ quan nhà nước.

- Doanh nghiệp là chủ thể thực hiện; khuyến khích doanh nghiệp chủ động bố trí nguồn lực, tham gia đối ứng phù hợp với từng nhiệm vụ và cơ chế hỗ trợ hiện hành; cơ quan nhà nước kiến tạo, kết nối, cung cấp thông tin và xử lý vướng mắc thuộc thẩm quyền.

- Cơ sở dữ liệu, danh mục doanh nghiệp và chỉ tiêu được rà soát hằng năm; kết quả hỗ trợ được theo dõi theo đầu ra, không chỉ theo số lượng hoạt động.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi

Triển khai trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp trong giai đoạn 2026–2030, bao gồm hoạt động nâng cao năng lực xuất khẩu, thương mại điện tử xuyên biên giới, tham gia chuỗi cung ứng quốc tế, xây dựng thương hiệu, xúc tiến đầu tư ra nước ngoài và thiết lập hiện diện thương mại ở thị trường mục tiêu.

2. Đối tượng

- Đối tượng thụ hưởng chính của Chương trình là doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân đang xuất khẩu hoặc có sản phẩm, dịch vụ và năng lực phù hợp để tham gia thị trường quốc tế, trong đó ưu tiên các doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu đáp ứng tiêu chí lựa chọn và điều kiện hỗ trợ theo quy định.

- Hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh và các tổ chức, cá nhân khác tham gia theo vai trò liên kết, cung ứng, hỗ trợ hoặc theo chương trình, chính sách có liên quan, bảo đảm đúng đối tượng và nguồn kinh phí.

- Hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng, tổ chức xúc tiến, cơ sở nghiên cứu, đào tạo, tổ chức tín dụng và các đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp.

- Cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn và Ủy ban nhân dân các xã, phường.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Hình thành đội ngũ doanh nghiệp Đồng Tháp có năng lực cạnh tranh quốc tế, chủ động tiếp cận thị trường, nâng cao tỷ lệ giá trị gia tăng và mức độ làm chủ

thương hiệu, kênh phân phối; từng bước tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu và đầu tư ra nước ngoài phù hợp pháp luật quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Phấn đấu đào tạo, bồi dưỡng, tư vấn hoặc cập nhật kiến thức cho 400 lượt doanh nghiệp, hợp tác xã và cán bộ hỗ trợ doanh nghiệp về thị trường, tiêu chuẩn, thương hiệu, thương mại điện tử xuyên biên giới, logistics, tài chính và pháp lý quốc tế trong giai đoạn 2026–2030, trong đó đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn quy tắc xuất xứ hàng hóa để doanh nghiệp tận dụng tối đa ưu đãi thuế quan theo các Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới và mở rộng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ. Chỉ tính lượt thụ hưởng nội dung chuyên biệt của Chương trình; không cộng trùng các lớp đào tạo chung thuộc kế hoạch thương mại điện tử, nông nghiệp, xúc tiến thương mại hoặc chương trình khác.

- Phấn đấu lựa chọn và hỗ trợ chuyên sâu 25 doanh nghiệp có tiềm năng vươn ra thị trường quốc tế đến năm 2030; danh sách được rà soát, cập nhật hằng năm theo bộ tiêu chí thống nhất, có hồ sơ đánh giá nhu cầu, kế hoạch hỗ trợ riêng và kết quả được xác nhận.

- Phấn đấu hỗ trợ 05 doanh nghiệp đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại thị trường nước ngoài đến năm 2030.

- Phấn đấu hỗ trợ 03 hồ sơ nghiên cứu thiết lập hiện diện thương mại hoặc đầu tư ra nước ngoài đến năm 2030, kể cả thông qua hợp tác, liên doanh, mua bán và sáp nhập khi phù hợp; đây là chỉ tiêu hồ sơ nghiên cứu, không phải cam kết có 03 dự án đầu tư được cấp phép.

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, ngành hàng, nhu cầu hỗ trợ và kết quả thực hiện; cập nhật tối thiểu mỗi năm một lần, phục vụ điều hành và báo cáo.

- Trên nền tảng các nhiệm vụ phát triển thương mại điện tử của tỉnh, phấn đấu hỗ trợ 05 doanh nghiệp thực hành xuất khẩu trực tuyến/thương mại điện tử xuyên biên giới trong năm 2027 và đạt lũy kế 15 doanh nghiệp đến năm 2030; chỉ tính doanh nghiệp có đánh giá đầu vào, hồ sơ hoặc gian hàng hoạt động, nội dung đa ngôn ngữ và kế hoạch vận hành.

- Phấn đấu nhận diện và hỗ trợ phát triển 20 sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm có giá trị gia tăng cao đến năm 2030, đáp ứng yêu cầu của thị trường mục tiêu và có khả năng tham gia chuỗi giá trị; ưu tiên sản phẩm chế biến sâu, sản phẩm cao cấp, thực phẩm dinh dưỡng, sản phẩm ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường và tận dụng phụ phẩm. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành tiêu chí nhận diện và danh mục theo dõi trong năm 2026; một sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm chỉ tính một lần khi có hồ sơ chứng minh kết quả hỗ trợ.

- Theo dõi, góp phần thực hiện lộ trình kim ngạch xuất khẩu hàng hóa toàn tỉnh đạt 10.000 triệu USD năm 2026, 10.905 triệu USD năm 2027, 11.930 triệu USD năm 2028, 13.130 triệu USD năm 2029 và 14.800 triệu USD năm 2030.

(Các mục tiêu được cụ thể tại Phụ lục II – Bộ chỉ tiêu theo dõi).

IV. NGÀNH HÀNG ƯU TIÊN VÀ NGUYÊN TẮC LỰA CHỌN DOANH NGHIỆP

1. Đối tượng ưu tiên

Ưu tiên các doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu đáp ứng tiêu chí lựa chọn và điều kiện hỗ trợ theo quy định.

2. Nhóm ngành hàng ưu tiên

Trên cơ sở danh sách rà soát 100 doanh nghiệp có phát sinh kim ngạch xuất khẩu lũy kế 06 tháng đầu năm 2026, cơ cấu mặt hàng xuất khẩu trong kế hoạch 05 năm ngành Công Thương và ngành hàng chủ lực trong kế hoạch nông nghiệp, tập trung 08 nhóm: (i) thủy sản chế biến, trọng tâm cá tra; (ii) gạo và sản phẩm chế biến từ gạo, bánh phồng tôm, bánh kẹo, ngũ cốc; (iii) rau quả và sản phẩm chế biến, ưu tiên xoài, sầu riêng, thanh long, khóm, mít, bưởi, dừa; (iv) sen, hoa kiểng, sản phẩm OCOP và sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; (v) thức ăn chăn nuôi, thủy sản và sản phẩm tận dụng phụ phẩm nông nghiệp; (vi) kim loại, sắt thép và sản phẩm liên quan; (vii) sản phẩm nhựa, may mặc, giày dép, xơ sợi, túi xách và nhóm công nghiệp chế biến, chế tạo khác; (viii) sản phẩm, dịch vụ có tiềm năng giá trị gia tăng cao, hàm lượng công nghệ, đổi mới sáng tạo hoặc khả năng mở rộng thị trường quốc tế. Danh mục là nguồn sàng lọc ban đầu, được cập nhật hằng năm; không mặc nhiên là danh sách được hỗ trợ và phải đối chiếu thông tin pháp lý, thị trường, tiêu chuẩn, nhu cầu và năng lực thực hiện trước khi phê duyệt.

3. Tiêu chí lựa chọn

- Có sản phẩm, dịch vụ đáp ứng hoặc có lộ trình rõ để đáp ứng tiêu chuẩn của thị trường mục tiêu; ưu tiên sản phẩm chế biến sâu, sản phẩm xanh, tuần hoàn, phát thải thấp và có khả năng truy xuất nguồn gốc.

- Có năng lực quản trị, tài chính, nhân sự, vùng nguyên liệu hoặc chuỗi cung ứng; có kế hoạch thị trường và cam kết bố trí nguồn lực đối ứng.

- Có nhu cầu hỗ trợ cụ thể, sản phẩm đầu ra đo lường được; chấp thuận chia sẻ dữ liệu kết quả trong phạm vi phục vụ quản lý nhà nước.

- Ưu tiên doanh nghiệp có sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam; doanh nghiệp có sản phẩm tiềm năng đáp ứng các tiêu chí của Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam; ưu tiên doanh nghiệp dẫn dắt, doanh nghiệp có

khả năng liên kết hợp tác xã, hộ sản xuất, doanh nghiệp nhỏ và vừa; bảo đảm cân đối hợp lý giữa nhóm nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và sản phẩm tiềm năng.

4. Định hướng thị trường ưu tiên

Ưu tiên các thị trường đã có quan hệ xuất khẩu ổn định, thị trường có hiệp định thương mại tự do với Việt Nam, thị trường lân cận/biên giới và thị trường có nhu cầu phù hợp với các nhóm ngành hàng, sản phẩm, dịch vụ ưu tiên của tỉnh. Hằng năm, Sở Công Thương rà soát, cập nhật thị trường mục tiêu trên cơ sở thông tin của Bộ Công Thương, hệ thống Thương vụ Việt Nam ở nước ngoài, cơ quan đại diện Việt Nam và nhu cầu thực tế của doanh nghiệp.

5. Quy trình

Sở Công Thương công bố tiêu chí, tiếp nhận hồ sơ; chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan đánh giá nhu cầu và mức độ sẵn sàng; Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan được ủy quyền phê duyệt danh sách theo từng đợt. Kết quả hỗ trợ được đánh giá hằng năm để tiếp tục, điều chỉnh hoặc chấm dứt hỗ trợ.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Khảo sát, phân loại và quản trị dữ liệu

- Xây dựng nền tảng thông tin, chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu doanh nghiệp, sản phẩm, ngành hàng trên cơ sở tận dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu hiện có; bảo đảm khả năng liên thông, tránh đầu tư trùng lặp, đồng thời tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu và an toàn thông tin; sử dụng danh sách 100 doanh nghiệp có phát sinh kim ngạch xuất khẩu lũy kế 06 tháng đầu năm 2026 làm danh sách rà soát ban đầu. Hằng năm rà soát, cập nhật 100% hồ sơ trong danh sách quản lý, kết nối dữ liệu xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, kế hoạch 05 năm ngành Công Thương và dữ liệu nông nghiệp; chuẩn hóa mã doanh nghiệp, mã ngành hàng, đơn vị tính, thời điểm chốt số liệu, đối chiếu và giải trình chênh lệch trước khi sử dụng làm mốc theo dõi ban đầu.

- Khảo sát điểm nghẽn theo từng doanh nghiệp về thị trường, tiêu chuẩn, sở hữu trí tuệ, logistics, tài chính, thanh toán, thuế, hải quan, nhân lực và pháp lý; xây dựng hồ sơ hỗ trợ riêng cho nhóm được lựa chọn.

2. Nâng cao năng lực quản trị và nhân lực quốc tế

- Tổ chức chương trình đào tạo theo cấp độ: kiến thức nền; thực hành xuất khẩu và thương mại điện tử xuyên biên giới; tư vấn chuyên sâu theo doanh nghiệp; đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức và năng lực vươn ra thị trường quốc tế, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với năng lực quản trị cho doanh nghiệp.

- Tập trung kỹ năng nghiên cứu thị trường, đàm phán và hợp đồng, quản trị rủi ro, bảo hiểm, thanh toán quốc tế, quản trị tỷ giá, marketing số, ESG và quản trị chuỗi cung ứng.

- Xây dựng, quản trị, phát triển và bảo vệ thương hiệu gắn với chiến lược sản phẩm và kế hoạch tiếp cận thị trường quốc tế.

- Căn cứ Quy chế xây dựng, quản lý, thực hiện Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam, chủ động rà soát, lựa chọn doanh nghiệp có sản phẩm tiềm năng để đào tạo, tư vấn và hỗ trợ nâng cao năng lực đáp ứng các tiêu chí của Chương trình; hướng dẫn doanh nghiệp có nhu cầu hoàn thiện hồ sơ đăng ký xét chọn sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam theo quy định.

3. Vùng nguyên liệu, tiêu chuẩn, chất lượng và chế biến sâu

- Phát triển vùng sản xuất tập trung, mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, truy xuất nguồn gốc; hỗ trợ áp dụng VietGAP, GlobalGAP, ASC, BAP và tiêu chuẩn, hệ thống quản lý chất lượng phù hợp thị trường. Kế thừa dữ liệu ngành nông nghiệp năm 2025 nhưng phải đối chiếu phạm vi, thời điểm và tình trạng hiệu lực trước khi lựa chọn hồ sơ hỗ trợ thuộc Chương trình.

- Ưu tiên đổi mới thiết bị, công nghệ bảo quản, chế biến sâu, tiết kiệm năng lượng, tận dụng phụ phẩm; kết nối chuyên gia và chương trình chuyển giao công nghệ. Lồng ghép các chương trình, chính sách khuyến công để hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, từng bước đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu và yêu cầu tham gia chuỗi cung ứng quốc tế.

4. Thương hiệu, bảo vệ trí tuệ và hình ảnh Đồng Tháp

- Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển và bảo vệ thương hiệu sản phẩm, định vị, hệ thống nhận diện, bao bì và thông tin truyền thông; Hướng dẫn, hỗ trợ thủ tục đăng ký, quản lý, khai thác và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong và ngoài nước; Rà soát, lựa chọn doanh nghiệp có sản phẩm tiềm năng để tư vấn, đào tạo nâng cao năng lực đáp ứng tiêu chí và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ đăng ký xét chọn Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam.

- Phối hợp lồng ghép quảng bá hình ảnh, văn hóa, du lịch và các giá trị đặc trưng của Đồng Tháp trong hoạt động xúc tiến ở thị trường quốc tế.

5. Xúc tiến thương mại và kết nối chuỗi cung ứng

- Tổ chức hoặc tham gia chương trình giao thương B2B, hội chợ, đoàn xúc tiến, tuần hàng, kết nối nhà mua hàng và hệ thống phân phối ở thị trường mục tiêu; phối hợp, lồng ghép với Đề án thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm chủ lực của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030 và kế hoạch xúc tiến thương mại giai đoạn 2026–2030, tránh hình thành nhiệm vụ song song, trùng đối tượng và đầu ra. Nâng cao năng lực cạnh tranh, giá trị gia tăng xuất khẩu, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu và hệ thống phân phối ở nước ngoài; phát triển hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp tham gia thị trường quốc tế.

- Ưu tiên hoạt động có sàng lọc đối tác, chuẩn bị doanh nghiệp trước sự kiện và theo dõi giao dịch sau sự kiện; tận dụng cơ quan đại diện Việt Nam, thương vụ, hiệp hội và mạng lưới kiều bào.

6. Thương mại điện tử xuyên biên giới và chuyển đổi số

- Kế thừa, lồng ghép đầu ra của Kế hoạch số 244/KH-UBND ngày 12/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về phát triển thương mại điện tử tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 – 2030 và Kế hoạch phát triển thương mại điện tử năm 2026 của Sở Công Thương về đào tạo kỹ năng số, bao bì xanh, truy xuất nguồn gốc, gian hàng số, thanh toán không dùng tiền mặt và xúc tiến trên môi trường số; chỉ tính vào Chương trình này phần nội dung, doanh nghiệp và kết quả trực tiếp phục vụ tiếp cận thị trường quốc tế.

- Trên cơ sở sàng lọc doanh nghiệp và sản phẩm phù hợp, hỗ trợ lựa chọn nền tảng xuyên biên giới; chuẩn hóa hồ sơ sản phẩm, dữ liệu và nội dung đa ngôn ngữ; thực hành thiết lập gian hàng, quảng cáo số, quản trị đơn hàng, thanh toán, hoàn tất đơn hàng, logistics, bảo vệ dữ liệu và phòng chống gian lận. Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu, đổi mới sáng tạo và các giải pháp quản trị số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý chuỗi cung ứng, truy xuất nguồn gốc và phân tích thị trường quốc tế; thúc đẩy tăng trưởng bền vững dựa trên công nghệ; gắn chuyển đổi số với nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Thí điểm trong năm 2027 khi nhiệm vụ và nguồn lực được phê duyệt; đánh giá khả năng duy trì gian hàng, đơn hàng hoặc doanh thu trước khi mở rộng.

7. Logistics, hạ tầng và không gian sản xuất

- Rà soát nhu cầu kho lạnh, kho bảo quản, trung tâm gom hàng, vận tải thủy-bộ, kết nối cảng và dịch vụ logistics trong khu công nghiệp; hoàn thiện chính sách thu hút nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng giao thông và logistics, hạ tầng số kết nối giao thương; phát triển hệ thống hạ tầng logistics; đồng thời tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển dịch vụ logistics kinh doanh quốc tế và quản lý chuỗi cung ứng, tối ưu hóa vận chuyển, kho bãi và truy xuất nguồn gốc sản phẩm xuất khẩu; kết nối định hướng với các trung tâm logistics đã được tỉnh đưa vào quy hoạch tỉnh và hoạt động thương mại biên giới với Campuchia; đề xuất giải pháp giảm chi phí logistics theo nhóm hàng, tuyến và thị trường.

- Lồng ghép quy hoạch, đầu tư hạ tầng khu/cụm công nghiệp, đầu mối nguyên liệu và hạ tầng số với nhu cầu của doanh nghiệp xuất khẩu.

8. Tín dụng, ngoại hối, thanh toán và bảo đảm giao dịch

- Tổ chức đối thoại giữa doanh nghiệp và tổ chức tín dụng; giới thiệu tín dụng xuất khẩu, tín dụng xanh, bảo lãnh, tài trợ thương mại, công cụ phòng ngừa rủi ro tỷ giá và phương thức thanh toán quốc tế an toàn.

- Tiếp nhận, phân loại và xử lý kiến nghị theo thẩm quyền; chuyển cấp có thẩm quyền đối với nội dung vượt thẩm quyền.

9. Hỗ trợ pháp lý, thuế, hải quan và đầu tư ra nước ngoài

- Cập nhật quy định của thị trường, hợp đồng, sở hữu trí tuệ, phòng vệ thương mại, giải quyết tranh chấp; thiết lập cơ chế tiếp nhận và giải đáp vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp.

- Hướng dẫn thuế, hoàn thuế, hải quan, xuất xứ, kiểm tra chuyên ngành; hỗ trợ kết nối thông tin, chuyên gia và tổ chức tư vấn; hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù bảo đảm đồng bộ, minh bạch và thuận lợi, giảm thiểu rủi ro cho doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh tại thị trường nước ngoài; hướng dẫn doanh nghiệp tiếp cận cơ quan có thẩm quyền để nghiên cứu thủ tục và đánh giá rủi ro đối với hiện diện thương mại, liên doanh, mua bán-sáp nhập hoặc đầu tư ra nước ngoài.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ các nguồn: ngân sách nhà nước; các quỹ tài chính hỗ trợ doanh nghiệp ngoài ngân sách nhà nước; các chương trình, dự án, đề án về hỗ trợ doanh nghiệp có sử dụng ngân sách nhà nước hiện đang triển khai; huy động tài trợ từ các tổ chức quốc tế và đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức tham gia Chương trình và các nguồn hợp pháp khác.

- Hằng năm, cùng thời điểm lập dự toán, các cơ quan, đơn vị được phân công nhiệm vụ theo Kế hoạch này lập kế hoạch nhiệm vụ năm và dự toán kinh phí thực hiện (chỉ đề xuất kinh phí đối với nhiệm vụ có nội dung, đối tượng, khối lượng, sản phẩm đầu ra và căn cứ tính toán rõ ràng), gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu cơ quan có thẩm quyền phân bổ dự toán để thực hiện Kế hoạch này theo quy định.

- Kế hoạch này không xác định mức kinh phí cụ thể cho năm 2026 và năm 2027. Các nhiệm vụ trong hai năm này được thực hiện trong phạm vi dự toán đã được cấp có thẩm quyền giao, nguồn lồng ghép từ các chương trình, kế hoạch, đề án có liên quan, nguồn đối ứng của doanh nghiệp và các nguồn hợp pháp khác.

(Nguyên tắc và khung xác định kinh phí tại Phụ lục III).

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện nghiêm túc, kịp thời các nhiệm vụ được giao, bảo đảm đúng chức năng, thẩm quyền; tăng cường phối hợp liên ngành và phát huy vai trò của hiệp hội doanh nghiệp trong kết nối, tổng hợp nhu cầu, phản ánh khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.

1. Sở Công Thương

- Là cơ quan đầu mối theo dõi, đôn đốc, tổng hợp và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện Kế hoạch; chủ trì rà soát năng lực doanh nghiệp, ngành hàng ưu tiên, nhu cầu hỗ trợ và lựa chọn doanh nghiệp theo tiêu chí; chủ

động lồng ghép nội dung Chương trình vào hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường, kết nối giao thương, hỗ trợ xuất khẩu, phòng vệ thương mại, thương mại điện tử và hội nhập kinh tế quốc tế đang triển khai.

- Chủ trì, phối hợp triển khai các hoạt động nâng cao năng lực xây dựng, quản trị, phát triển và bảo vệ thương hiệu cho doanh nghiệp; rà soát, hướng dẫn doanh nghiệp có sản phẩm tiềm năng nâng cao năng lực đáp ứng các tiêu chí và tham gia Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam theo quy định. Lồng ghép nhiệm vụ khuyến công trong quá trình triển khai Kế hoạch; đồng thời theo dõi, đánh giá kết quả hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tham gia thị trường quốc tế, bảo đảm không trùng lặp nội dung và kinh phí hỗ trợ từ các chương trình, chính sách khác.

- Chủ trì tổng hợp dự toán hằng năm của các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý; tham mưu lấy ý kiến Bộ Công Thương và cơ quan liên quan; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

- Đối với thương mại điện tử, chủ trì phân định rõ phần việc kế thừa từ Kế hoạch số 244/KH-UBND[1] và kế hoạch hằng năm với phần hỗ trợ tăng thêm của Chương trình này; không tính trùng số lượt, sản phẩm đầu ra và kinh phí.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của Sở Công Thương và các cơ quan, đơn vị có liên quan, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Sở Tài chính tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan phát triển vùng nguyên liệu, mã số vùng trồng/cơ sở đóng gói, truy xuất, tiêu chuẩn sản xuất bền vững; đề xuất ngành hàng, sản phẩm nông nghiệp ưu tiên và liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ. Cung cấp, đối chiếu dữ liệu ngành nông nghiệp theo cùng thời điểm chốt; xác nhận tình trạng hiệu lực của mã số, chứng nhận, cơ sở đóng gói và hồ sơ sản phẩm trước khi đưa vào mốc theo dõi ban đầu hoặc tính kết quả Chương trình.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ tri đổi mới công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; kết nối nhu cầu chuyển giao công nghệ của doanh nghiệp.

---

[1] Kế hoạch số 244/KH-UBND ngày 12/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về phát triển thương mại điện tử tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 – 2030

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phối hợp lồng ghép quảng bá hình ảnh, văn hóa, du lịch và các giá trị đặc trưng của Đồng Tháp trong hoạt động xúc tiến ở thị trường quốc tế.

6. Sở Xây dựng

Chủ trì tham mưu, triển khai phát triển hạ tầng giao thông nhằm tăng cường kết nối giữa các trung tâm đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, hệ thống cảng và các trung tâm logistics; phát triển dịch vụ vận tải, nâng cao năng lực vận tải đường bộ, đường thủy nội địa nhằm giảm chi phí logistics và phục vụ doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng, thị trường quốc tế.

7. Ban Quản lý Khu kinh tế

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao rà soát hiện trạng hạ tầng phục vụ lưu thông hàng hóa, logistics, kho bãi, mặt bằng sản xuất hỗ trợ xuất khẩu và các điều kiện cần thiết phục vụ doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng, thị trường quốc tế trong khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu; tổng hợp các điểm nghẽn, đề xuất giải pháp tháo gỡ phục vụ công tác tham mưu của tỉnh (nếu có).

8. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Nội vụ và Công an tỉnh

- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ đầu mối công tác đối ngoại của tỉnh, phối hợp kết nối cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, đối tác quốc tế, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài; tiếp nhận, chuyển thông tin thị trường, cơ hội hợp tác và hỗ trợ bảo vệ lợi ích chính đáng của doanh nghiệp theo thẩm quyền.

- Sở Tư pháp phối hợp hỗ trợ pháp lý, rà soát hợp đồng, quy định thị trường và tổng hợp vướng mắc pháp luật.

- Sở Nội vụ phối hợp Sở Công Thương thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc ngành, lĩnh vực Công Thương theo chức năng, nhiệm vụ.

- Công an tỉnh phối hợp vấn đề liên quan về xuất nhập cảnh, an ninh kinh tế, phòng ngừa rủi ro và trật tự, an toàn theo chức năng.

9. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 13

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn triển khai các giải pháp tín dụng phù hợp với mục tiêu Chương trình và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan thực hiện kết nối ngân hàng - doanh nghiệp trên địa bàn để nắm bắt tình hình, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn, các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng; hướng dẫn, phổ biến các quy định và tổng hợp, xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền đối với khó khăn, vướng mắc thuộc lĩnh vực tiền tệ, quản lý ngoại hối và các hoạt động ngân hàng theo quy định.

10. Thuế tỉnh và Chi cục Hải quan khu vực XX

Hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc về thuế, hoàn thuế, thủ tục hải quan, xuất xứ, kiểm tra chuyên ngành, thương mại điện tử xuyên biên giới và hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo thẩm quyền.

11. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Rà soát, cập nhật doanh nghiệp, hợp tác xã, vùng nguyên liệu, lao động, mặt bằng và nhu cầu; xác minh thông tin trước khi đề xuất; phối hợp xác minh thông tin về cơ sở, vùng nguyên liệu và các nội dung thuộc phạm vi quản lý địa bàn; tổng hợp, chuyển khó khăn, vướng mắc đến cơ quan có thẩm quyền xử lý.

12. Hiệp hội, doanh nghiệp, hợp tác xã

Đề nghị Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và các hiệp hội ngành hàng phối hợp phổ biến Quyết định số 626/QĐ-TTg và Kế hoạch này; rà soát, đề xuất doanh nghiệp có nhu cầu, tiềm năng; kết nối đối tác, chuyên gia, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp và tổng hợp khó khăn về thị trường, công nghệ, tài chính, thương hiệu, nhân lực, logistics, pháp lý, đầu tư và thương mại quốc tế gửi Sở Công Thương. Doanh nghiệp, hợp tác xã chủ động xây dựng phương án thị trường, bố trí nguồn đối ứng, cung cấp dữ liệu chính xác, tham gia đánh giá kết quả và tuân thủ pháp luật, cam kết quốc tế, trách nhiệm xã hội và môi trường.

(*Danh mục nhiệm vụ trọng tâm tại Phụ lục I*).

VIII. CHẾ ĐỘ THEO DÕI, BÁO CÁO

- Các cơ quan, đơn vị cập nhật tiến độ theo nhiệm vụ; báo cáo năm gửi Sở Công Thương trước ngày 05/12 hằng năm. Báo cáo đột xuất thực hiện theo yêu cầu. Sở Công Thương tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Công Thương trước ngày 15/12 hằng năm hoặc báo cáo đột xuất thực hiện theo yêu cầu. Báo cáo thực hiện theo biểu mẫu thống nhất do Bộ Công Thương ban hành.

- Giao Sở Công Thương làm đầu mối thiết lập kênh thông tin liên lạc, định kỳ tổ chức trao đổi, đánh giá tiến độ với các sở, ban, ngành, địa phương, hiệp hội và cộng đồng doanh nghiệp nhằm kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc. Đồng thời, chủ động duy trì cơ chế tham vấn, phối hợp chặt chẽ với Cục Xúc tiến thương mại và các đơn vị liên quan thuộc Bộ Công Thương để cập nhật định hướng, tranh thủ các nguồn lực và sự hỗ trợ về chuyên môn, nghiệp vụ.

- Giao Sở Công Thương chủ trì nghiên cứu, áp dụng Bộ chỉ số GoGlobal Index làm công cụ đo lường, đánh giá định lượng mức độ hoàn thành các mục tiêu và hiệu quả sử dụng nguồn lực của Kế hoạch theo quy định tại Điều 11 Quy chế quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 1620/QĐ-BCT.

- Trường hợp nhiệm vụ chậm tiến độ, không còn phù hợp hoặc không tạo đầu ra, cơ quan chủ trì báo cáo đề xuất điều chỉnh; nội dung vượt thẩm quyền được tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét.

PHỤ LỤC I
DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026–2030
(Kèm theo Quyết định số 3671/QĐ-UBND ngày 25./11./2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Thời gian	Chủ trì	Phối hợp	Nguồn lực dự kiến
A	**NHIỆM VỤ CÁC THÁNG CUỐI NĂM 2026**					
1	Hoàn thiện dự thảo Kế hoạch, phụ lục chỉ tiêu, nhiệm vụ và khung kinh phí; đối chiếu Đề án thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm chủ lực của tỉnh đến năm 2030 và các kế hoạch chuyên ngành; lấy ý kiến Bộ Công Thương và cơ quan liên quan trước khi trình ban hành.	Hồ sơ dự thảo hoàn chỉnh; bảng đối chiếu nhiệm vụ; văn bản lấy ý kiến; Quyết định/Kế hoạch được ban hành.	Quý IV/2026	Sở Công Thương	Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường	Ngân sách quản lý hành chính
2	Đối chiếu danh sách 100 doanh nghiệp xuất khẩu với cơ cấu mặt hàng trong kế hoạch 05 năm ngành Công Thương và ngành hàng chủ lực nông nghiệp; kiểm tra tên pháp lý, mã số thuế, địa chỉ, ngành hàng, kim ngạch, nhu cầu và mức độ sẵn sàng.	Cơ sở dữ liệu bản 1.0; danh sách sàng lọc theo 08 nhóm ngành hàng; bộ chỉ tiêu bối cảnh và hồ sơ doanh nghiệp.	Quý IV/2026	Sở Công Thương	Thuế tỉnh; Chi cục Hải quan Khu vực XX; Ban Quản lý Khu Kinh tế; Ủy ban nhân dân cấp xã; hiệp hội	Lồng ghép
3	Khảo sát nhu cầu thị trường, tiêu chuẩn, công nghệ, logistics, tín dụng, thanh toán, pháp lý và thương mại điện tử của doanh nghiệp được chọn.	Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp.	Quý IV/2026	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông Nghiệp và Môi trường; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 13; Sở Tư pháp; Ban Quản lý Khu Kinh tế	Lồng ghép/đối ứng DN

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Thời gian	Chủ trì	Phối hợp	Nguồn lực dự kiến
4	Lựa chọn nội dung và doanh nghiệp phù hợp từ các hoạt động thương mại điện tử năm 2026 (tập huấn kỹ năng, bao bì xanh, truy xuất nguồn gốc, gian hàng và xúc tiến số) để lồng ghép chuyên đề tiếp cận thị trường quốc tế; tổ chức chương trình GoGlobal riêng khi cần thiết.	Danh sách doanh nghiệp được sàng lọc; nội dung lồng ghép; ít nhất 01 chuyên đề/chương trình về thị trường quốc tế.	Quý IV/2026	Sở Công Thương	Các sở, ngành; hiệp hội	Kế hoạch TMĐT 2026/XTTM/ lồng ghép
5	Hỗ trợ kết nối nhu cầu chuyển giao công nghệ; hỗ trợ phát triển quyền tài sản trí tuệ cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp.	Hỗ trợ ít nhất 05 doanh nghiệp/tổ chức, cá nhân.	Quý IV/2026	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương; doanh nghiệp	KHCN/đối ứng DN
6	Đối chiếu dữ liệu vùng nguyên liệu, mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, truy xuất và chứng nhận của nhóm nông nghiệp ưu tiên; xử lý chênh lệch số liệu trước khi xác định mốc theo dõi ban đầu.	Bảng dữ liệu đã xác nhận thời điểm, phạm vi và tình trạng hiệu lực; danh mục khoảng trống và kế hoạch khắc phục theo ngành hàng.	Quý IV/2026	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; Ủy ban nhân dân các xã, phường	Lồng ghép
7	Tổ chức một phiên đối thoại chuyên đề về vốn, ngoại hối, thanh toán quốc tế, thuế, hải quan và logistics.	Biên bản; danh mục kiến nghị; đầu mối và thời hạn xử lý.	Quý IV/2026	Sở Công Thương	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 13; Thuế; Hải quan; Ban Quản lý Khu Kinh tế; các tổ chức tín dụng	Lồng ghép

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Thời gian	Chủ trì	Phối hợp	Nguồn lực dự kiến
8	Rà soát, xác định nguồn thực hiện các nhiệm vụ năm 2026 và năm 2027 từ dự toán đã giao, chương trình/đề án hiện có, nguồn đối ứng và nguồn hợp pháp khác; lập dự toán nhiệm vụ mới khi đủ căn cứ.	Danh mục nguồn lồng ghép/đối ứng; hồ sơ dự toán nhiệm vụ cụ thể khi đủ điều kiện.	Theo kỳ lập dự toán và quy định hiện hành	Sở Công Thương; Sở Tài chính	Cơ quan chủ trì nhiệm vụ	Dự toán đã giao/lồng ghép/đối ứng
9	Tổng hợp báo cáo kết quả năm 2026.	Báo cáo UBND tỉnh/Bộ Công Thương.	Trước 15/12/2026	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị	Lồng ghép
B	**NHIỆM VỤ NĂM 2027**					
10	Cập nhật cơ sở dữ liệu, lựa chọn và ký kế hoạch hỗ trợ với doanh nghiệp năm 2027.	Dữ liệu bản 2.0; danh sách và kế hoạch hỗ trợ được phê duyệt.	Quý I/2027	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị liên quan	NS tỉnh/lồng ghép
11	Tổ chức 02 lớp/chương trình đào tạo theo nhu cầu về thị trường, tiêu chuẩn, hợp đồng, thương mại điện tử, ESG và quản trị rủi ro; đào tạo, tư vấn về xây dựng, quản trị, phát triển và bảo vệ thương hiệu gắn với chiến lược tiếp cận thị trường quốc tế.	70 lượt thụ hưởng; tài liệu và đánh giá sau đào tạo.	Năm 2027	Sở Công Thương	Sở Tư pháp; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 13	NSNN/xã hội hóa

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Thời gian	Chủ trì	Phối hợp	Nguồn lực dự kiến
12	Tổ chức hoặc tham gia ít nhất 02 hoạt động kết nối B2B, hội chợ, đoàn giao thương hoặc chiến dịch số ở thị trường mục tiêu, trong đó ưu tiên giới thiệu, quảng bá và kết nối doanh nghiệp có sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam tại thị trường quốc tế.	Hồ sơ đối tác; cuộc gặp; biên bản ghi nhớ/đầu mối giao dịch.	Năm 2027	Sở Công Thương	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; hiệp hội; doanh nghiệp	XTTM/đối ứng DN
13	Thực hiện gói hỗ trợ tiêu chuẩn, chứng nhận, truy xuất, sở hữu trí tuệ và đổi mới công nghệ theo hồ sơ doanh nghiệp.	03 hồ sơ/sản phẩm mới hoặc nâng cấp có kết quả trung gian hoặc hoàn thành, nâng số lũy kế lên 08 hồ sơ.	Năm 2027	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường (theo lĩnh vực được giao)	Sở Công Thương; doanh nghiệp	KHCN/NN/đối ứng DN
14	Lựa chọn, hỗ trợ thí điểm xuất khẩu trực tuyến/thương mại điện tử xuyên biên giới đối với nhóm doanh nghiệp, sản phẩm phù hợp.	05 doanh nghiệp có đánh giá đầu vào; hồ sơ/gian hàng hoạt động, nội dung đa ngôn ngữ và kế hoạch vận hành.	Năm 2027	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ; nền tảng; logistics; ngân hàng	KH 244/KH-UBND; TMĐT/XTTM/đối ứng DN

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Thời gian	Chủ trì	Phối hợp	Nguồn lực dự kiến
15	Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, rà soát hiện trạng, nhu cầu và đề xuất giải pháp về hạ tầng phục vụ lưu thông hàng hóa, logistics, kho bãi, mặt bằng sản xuất đối với doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu; kết nối doanh nghiệp với các đơn vị cung cấp dịch vụ logistics phù hợp	Báo cáo chuyên đề; danh mục giải pháp/kết nối nhà cung cấp.	Quý II–III/2027	Ban Quản lý Khu kinh tế	Sở Công Thương; Sở Xây dựng; doanh nghiệp logistics	Lồng ghép
16	Đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cho doanh nghiệp và cán bộ quản lý về thuế, hải quan, xuất xứ và phòng vệ thương mại. Tổ chức phiên tư vấn pháp lý, thuế, hải quan, xuất xứ và phòng vệ thương mại.	Ít nhất 01 phiên; hồ sơ kiến nghị và trả lời theo thẩm quyền.	Năm 2027	Sở Tư pháp; Sở Công Thương	Sở Tư pháp; Thuế; Chi cục Hải quan khu vực XX; đơn vị liên quan	Lồng ghép
17	Tổ chức một phiên đối thoại/kết nối ngân hàng - doanh nghiệp chuyên đề về tín dụng, ngoại hối, thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại.	Ít nhất 01 phiên; biên bản; danh sách kiến nghị, đầu mối và thời hạn xử lý.	Năm 2027	Sở Công Thương	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 13; các tổ chức tín dụng	Xã hội hóa/lồng ghép
18	Phối hợp lồng ghép quảng bá hình ảnh, văn hóa, du lịch và các giá trị đặc trưng của Đồng Tháp trong hoạt động xúc tiến ở thị trường quốc tế.	Nội dung/ấn phẩm số hoặc hoạt động quảng bá được lồng ghép.	Năm 2027	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường; địa phương	Du lịch/XTTM/xã hội hóa

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Thời gian	Chủ trì	Phối hợp	Nguồn lực dự kiến
19	Theo dõi, đánh giá kết quả doanh nghiệp và cập nhật kế hoạch năm 2028.	Bộ chỉ số; báo cáo năm; đề xuất tiếp tục/điều chỉnh hỗ trợ.	Quý IV/2027	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị	Lồng ghép
20	Báo cáo UBND tỉnh và Bộ Công Thương.	Báo cáo năm 2027.	Trước 15/12/2027	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị	Lồng ghép
C	**NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2028–2030**					
21	Duy trì cập nhật dữ liệu, lựa chọn và hỗ trợ chuyên sâu doanh nghiệp hằng năm.	Danh sách, hồ sơ hỗ trợ và kết quả theo năm.	Hằng năm	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị liên quan	NSNN/đối ứng DN
22	Mở rộng xúc tiến, B2B, thương mại điện tử, tiêu chuẩn, công nghệ, thương hiệu và chuỗi cung ứng theo kết quả thí điểm; theo dõi đóng góp của nhóm doanh nghiệp được hỗ trợ vào lộ trình xuất khẩu chung của tỉnh. Tiếp tục đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cho doanh nghiệp và cán bộ quản lý về thuế, hải quan, xuất xứ và phòng vệ thương mại.	Đến năm 2030 đạt lũy kế 15 doanh nghiệp thương mại điện tử xuyên biên giới, 20 hồ sơ tiêu chuẩn/chứng nhận/truy xuất/công nghệ, 20 sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm giá trị gia tăng cao và 05 doanh nghiệp được hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ quốc tế; có báo cáo doanh thu/đơn hàng/kim ngạch khi doanh nghiệp cung cấp.	2028–2030	Sở Công Thương	Hiệp hội; doanh nghiệp; địa phương	Lồng ghép/xã hội hóa

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Thời gian	Chủ trì	Phối hợp	Nguồn lực dự kiến
23	Hỗ trợ kết nối tư vấn, nghiên cứu hiện diện thương mại, liên doanh, mua bán và sáp nhập doanh nghiệp hoặc đầu tư ra nước ngoài	03 hồ sơ nghiên cứu/đề án đến năm 2030.	2028–2030	Sở Công Thương	Sở Tài chính; Sở Tư pháp; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 13; đơn vị tư vấn	Đối ứng DN/xã hội hóa
24	Nhân rộng mô hình liên kết doanh nghiệp–HTX–vùng nguyên liệu và doanh nghiệp dẫn dắt.	Mô hình liên kết/chuỗi được xác lập hoặc nâng cấp.	2028–2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Công Thương; địa phương; doanh nghiệp	NN/đối ứng DN
25	Hướng dẫn, hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ quốc tế cho doanh nghiệp có địa chỉ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.	Ít nhất 05 doanh nghiệp được hỗ trợ lũy kế đến năm 2030.	2026–2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	KHCN/đối ứng DN
26	Đánh giá tác động, duy trì cơ chế đối thoại và xử lý điểm nghẽn.	Báo cáo chỉ số, danh mục kiến nghị và kết quả xử lý.	Hằng năm	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị	Lồng ghép
27	Tổng kết Chương trình giai đoạn 2026–2030.	Báo cáo tổng kết và đề xuất giai đoạn tiếp theo.	Năm 2030	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị	Lồng ghép

PHỤ LỤC II
BỘ CHỈ TIÊU THEO DÕI GIAI ĐOẠN 2026–2030

(Kèm theo Quyết định số 3[illegible]/QĐ-UBND ngày 23./11./2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

STT	Chỉ tiêu	2026	2027	2028	2029	2030	Mục tiêu giai đoạn	Đầu mối
1	Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp/ngành hàng	Hoàn thành bản 1.0; rà soát 100% hồ sơ	Rà soát 100% hồ sơ	Rà soát 100% hồ sơ	Rà soát 100% hồ sơ	Rà soát 100% hồ sơ	Cập nhật tối thiểu 01 lần/năm; 100% hồ sơ trong danh sách quản lý được rà soát	Sở Công Thương
2	Lượt doanh nghiệp/HTX/cán bộ được đào tạo, tư vấn	40	70	90	90	110	400 lượt	Sở Công Thương
3	Doanh nghiệp được hỗ trợ chuyên sâu (lũy kế)	5	10	15	20	25	25 doanh nghiệp	Sở Công Thương
4	Doanh nghiệp được hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ quốc tế (lũy kế)	1	1	1	1	1	05 doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Hồ sơ nghiên cứu hiện diện thương mại/đầu tư ở nước ngoài (lũy kế)	0	0	1	2	3	03 hồ sơ nghiên cứu	Sở Công Thương
6	Doanh nghiệp được hỗ trợ thực hành xuất khẩu trực tuyến/TMĐT xuyên biên giới (lũy kế)	0	5	8	12	15	15 doanh nghiệp	Sở Công Thương

STT	Chỉ tiêu	2026	2027	2028	2029	2030	Mục tiêu giai đoạn	Đầu mối
7	Hồ sơ tiêu chuẩn/chứng nhận/truy xuất/công nghệ có kết quả (lũy kế)	5	8	12	16	20	20 hồ sơ	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường (theo lĩnh vực được giao)
8	Sản phẩm/nhóm sản phẩm có giá trị gia tăng cao được nhận diện và hỗ trợ phát triển (lũy kế)	0; ban hành tiêu chí và danh mục	5	10	15	20	20 sản phẩm/nhóm sản phẩm	Sở Công Thương; phối hợp Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa toàn tỉnh (chỉ tiêu bối cảnh; triệu USD)	10.000	10.905	11.930	13.130	14.800	14.800 triệu USD năm 2030; không quy toàn bộ kết quả cho riêng Chương trình	Sở Công Thương
10	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP (chỉ tiêu bối cảnh)	20,73%	21,43%	22,59%	23,81%	25,10%	25,10% năm 2030; dùng làm chỉ tiêu tham chiếu	Sở Công Thương
11	Báo cáo năm đúng hạn	01	01	01	01	01	05/05 báo cáo năm đúng hạn (100%)	Sở Công Thương

STT	Chỉ tiêu	2026	2027	2028	2029	2030	Mục tiêu giai đoạn	Đầu mối
12	Sơ kết/tổng kết	0	0	01 báo cáo sơ kết	0	01 báo cáo tổng kết	02 báo cáo	Sở Công Thương

Các chỉ tiêu quản lý trực tiếp tại Phụ lục II là mức đề xuất định lượng để tổ chức thực hiện sau khi Kế hoạch được ban hành. Trường hợp điều kiện thị trường, cơ chế của Trung ương hoặc nguồn lực thay đổi lớn, Sở Công Thương tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh theo thẩm quyền; việc giao chỉ tiêu không làm phát sinh cam kết bố trí kinh phí khi chưa có nhiệm vụ và dự toán được phê duyệt. Các chỉ tiêu và phương pháp tính được rà soát, cập nhật để phù hợp Bộ chỉ số GoGlobal Index và biểu mẫu thống nhất của Bộ Công Thương.

PHỤ LỤC III
NGUYÊN TẮC VÀ KHUNG XÁC ĐỊNH NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

(Kèm theo Quyết định số 1679/QĐ-UBND ngày 23./11./2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

STT	Nhóm nhiệm vụ	Cơ quan/đơn vị chủ trì	Nguồn kinh phí dự kiến	Nguyên tắc xác định, bố trí	Thời điểm lập dự toán
1	Cơ sở dữ liệu, khảo sát, phân loại và lựa chọn doanh nghiệp	Sở Công Thương	Dự toán chi thường xuyên; lồng ghép nhiệm vụ quản lý, xúc tiến thương mại; nguồn hợp pháp khác	Căn cứ phạm vi khảo sát, sản phẩm dữ liệu, đơn giá/định mức và nhiệm vụ được phê duyệt; ưu tiên sử dụng dữ liệu, nhân lực hiện có.	Theo kỳ lập dự toán hằng năm hoặc khi nhiệm vụ đủ điều kiện phê duyệt
2	Đào tạo, tư vấn và nâng cao năng lực	Sở Công Thương và cơ quan liên quan	Ngân sách nhà nước theo phân cấp; chương trình đào tạo, hội nhập; xã hội hóa	Xác định theo số lớp, số người, nội dung chuyên đề, hình thức tổ chức và định mức hiện hành; không hỗ trợ trùng lặp.	Hằng năm
3	Xúc tiến thương mại, kết nối B2B, hội chợ, đoàn giao thương, chiến dịch số	Sở Công Thương	Chương trình xúc tiến thương mại; Đề án thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm chủ lực; nguồn hợp pháp khác; đối ứng doanh nghiệp	Lồng ghép kế hoạch xúc tiến và đề án xuất khẩu đã được phê duyệt; chỉ xác định chi phí tăng thêm theo thị trường, số doanh nghiệp, số cuộc kết nối và sản phẩm đầu ra của nhiệm vụ GoGlobal.	Khi xây dựng kế hoạch xúc tiến thương mại hằng năm
4	Tiêu chuẩn, chứng nhận, truy xuất, công nghệ và sở hữu trí tuệ	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kế hoạch ngành nông nghiệp và môi trường; kế hoạch tái cơ cấu nông nghiệp; nguồn khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; nguồn nông nghiệp; đối ứng doanh nghiệp	Ưu tiên sử dụng dữ liệu và hoạt động chuyên ngành đã có; chỉ lập dự toán theo hồ sơ GoGlobal sau khi xác nhận tình trạng mã số/chứng nhận, khoảng trống tiêu chuẩn, nội dung hỗ trợ và cơ chế hiện hành; không tính trùng.	Khi nhiệm vụ, hồ sơ hỗ trợ được phê duyệt

STT	Nhóm nhiệm vụ	Cơ quan/đơn vị chủ trì	Nguồn kinh phí dự kiến	Nguyên tắc xác định, bố trí	Thời điểm lập dự toán
5	Thương mại điện tử xuyên biên giới và chuyển đổi số	Sở Công Thương; Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch số 244/KH-UBND; chương trình thương mại điện tử, xúc tiến thương mại, chuyển đổi số; đối ứng doanh nghiệp	Lồng ghép hoạt động nền tảng đã có; chỉ lập dự toán phần tăng thêm trực tiếp cho xuyên biên giới như đánh giá đầu vào, phí nền tảng/dịch vụ, nội dung đa ngôn ngữ, quảng cáo, vận hành, thanh toán và logistics; không tính trùng kinh phí đào tạo, gian hàng hoặc xúc tiến số chung.	Năm 2026 trong dự toán đã giao; từ năm 2027 khi nhiệm vụ và nguồn được phê duyệt
6	Xây dựng, quản trị, phát triển thương hiệu	Sở Công Thương	Nguồn sở hữu trí tuệ, văn hóa–du lịch, xúc tiến thương mại; xã hội hóa	Phân tách rõ nội dung xây dựng và phát triển thương hiệu; lập dự toán theo sản phẩm đầu ra, tránh trùng nguồn.	Theo kế hoạch chuyên ngành hằng năm
7	Đăng ký, quản lý, khai thác và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Nguồn sở hữu trí tuệ; xã hội hóa	Phân tách rõ nội dung đăng ký và bảo hộ sở hữu trí tuệ; lập dự toán.	Theo kế hoạch chuyên ngành hằng năm
8	Quảng bá hình ảnh, văn hóa, du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nguồn văn hóa–du lịch; xã hội hóa	Phân tách rõ nội dung quảng bá hình ảnh, văn hóa, du lịch; lập dự toán theo sản phẩm đầu ra, tránh trùng nguồn.	Theo kế hoạch chuyên ngành hằng năm
9	Logistics, hạ tầng giao thông, kho bãi và không gian sản xuất	Ban Quản lý Khu kinh tế; Sở Xây dựng và cơ quan liên quan theo phạm vi nhiệm vụ	Kế hoạch đầu tư công, nguồn đầu tư hợp pháp; nguồn chi thường xuyên cho khảo sát/nghiên cứu	Dự án đầu tư chỉ bố trí khi đủ thủ tục đầu tư; hoạt động khảo sát, kết nối dịch vụ lập dự toán riêng theo quy định.	Theo kế hoạch đầu tư công hoặc dự toán hằng năm

STT	Nhóm nhiệm vụ	Cơ quan/đơn vị chủ trì	Nguồn kinh phí dự kiến	Nguyên tắc xác định, bố trí	Thời điểm lập dự toán
10	Hỗ trợ pháp lý, thuế, hải quan, tín dụng, ngoại hối và thanh toán	Các cơ quan theo chức năng	Dự toán chi thường xuyên; lồng ghép hoạt động chuyên môn; xã hội hóa	Ưu tiên sử dụng nhân lực, chương trình và cơ chế giải đáp hiện có; thuê chuyên gia chỉ khi có vụ việc, phạm vi và sản phẩm cụ thể.	Hằng năm/khi phát sinh nhiệm vụ đủ căn cứ
11	Theo dõi, đánh giá, sơ kết và tổng kết	Sở Công Thương	Dự toán chi thường xuyên; nguồn lồng ghép	Lập theo yêu cầu báo cáo, bộ chỉ số, khối lượng dữ liệu và nhiệm vụ sơ kết/tổng kết được phê duyệt.	Hằng năm; năm 2028 và năm 2030

Ghi chú: Năm 2026 và năm 2027 không xác định mức kinh phí riêng trong Kế hoạch này. Nhiệm vụ chỉ được triển khai trong phạm vi dự toán đã được giao, nguồn lồng ghép, nguồn đối ứng của doanh nghiệp và các nguồn hợp pháp khác.

Trường hợp phát sinh nhiệm vụ mới, cơ quan chủ trì chỉ lập và gửi dự toán khi đã xác định rõ nội dung, đối tượng, khối lượng, sản phẩm đầu ra, căn cứ tính toán và nguồn thực hiện; Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền theo khả năng cân đối ngân sách và quy định pháp luật. Mức hỗ trợ cụ thể đối với từng nhiệm vụ thực hiện theo Quyết định số 1620/QĐ-BCT, khả năng cân đối ngân sách và quyết định của cấp có thẩm quyền; không mặc định yêu cầu doanh nghiệp phải đối ứng trong mọi nhiệm vụ.